

LUẬN A TỖ ĐẠT MA THUẬN CHÁNH LÝ

QUYỂN 18

Phẩm 2: NÓI VỀ SỰ SAI KHÁC (PHẦN 10)

Do quả ly hệ, luận bàn thêm đã khắp, việc cần nói, nay sẽ nói:
Sẽ nói về quả Dị thực, Đẳng lưu, Ly hệ, Sĩ dụng và Tăng thượng.
Năm quả như thế, đối với sáu nhân trước, sẽ nói về quả nào, nhân nào đã được? Tụng nói:

Quả dị thực: nhân sau

Quả tăng thượng: nhân đầu

Đẳng lưu: đồng loại, biến

Sĩ dụng: tương ứng, câu

Luận nói: Trong năm quả, quả ly hệ thứ ba, chẳng phải là sinh nhân đắc, nên ở đây không nói. Lại, nói về sáu nhân được bốn quả còn lại.

Nói nhân sau, nghĩa là nhân Dị thực. Về nhân, vì nói sau cùng trong bài tụng, nên quả dị thực đầu tiên, nhân này đã được.

Có thuyết nói: Dị thực từ dị thực sinh, nên ở đây, không nên nói không có dị thực.

Thuyết kia nói phi lý, vì hai nhân Dị thực, đồng loại được sinh, nghĩa đều khác nhau, nên nói là dị thực trước làm nhân Đồng loại sinh ra dị thực sau làm quả đẳng lưu, tức dị thực sau do nghiệp trước thành, năng thành các nghiệp, gọi nhân Dị thực đã thành dị thực, tức quả dị thực. Thể của hai nhân khác và phần nghĩa của hai quả, loại nhân quả đặc thù, không có lỗi xen lẫn nhau, nhưng thể dị thực, như thức uống ăn chín. Đối với dị thực sinh, vì không có công năng vượt hơn, nên chỉ bất và hữu lậu, là nhân Dị thực, gọi dị thực hữu.

Nói nhân trước, là nhân Năng tác, đối với nhân, vì nói đầu tiên trong bài tụng, nên quả tăng thượng sau. Nhân này đã được quả tăng thượng, gọi là quả tăng thượng, chỉ không có chướng ngại trụ, thì đầu

có tăng thượng?

Há tức do không có chướng ngại trụ, nên nói là tăng thượng, đâu cần nhọc công tra gạn.

Lại, trước kia đã nói trong nhân Năng tác, nói về nhân Năng tác, cũng có sức vượt hơn, nghĩa là nhân thức v.v... vào lúc đang sinh nhĩ v.v... lần lượt có sức tăng thượng, nghe rồi, bèn sinh ưa thích muốn thấy. Đối với các vật của khí thế giới, lúc sinh, nghiệp của các hữu tình có sức tăng thượng. Các quả đáng yêu, đối với nghiệp bất quả không đáng yêu đối với nghiệp, cũng có tác dụng sinh tăng thượng lần lượt. Các tăng thượng này như thích ứng nên tư duy. Nhân Đồng loại, biến hành được quả đẳng lưu, vì quả giống với nhân, nên gọi là đẳng lưu.

Hai nhân như thế, vì tương quả tương tự, nên nhân dù hai nhưng quả chỉ một. Nhân Câu hữu, tương ứng, được quả sĩ dụng, không phải siêu việt thể của sĩ, có sĩ dụng riêng, tức chỗ đắc của hai nhân này, gọi là quả sĩ dụng. Tên gọi Sĩ dụng vì pháp nào? Tức do công năng tất cả các pháp hiện có.

Như thế, thâm phù hợp với thuyết của văn tụng sau: Nếu nhân sức của sĩ kia sinh, thì quả này gọi sĩ dụng.

Tuy nhiên, Kinh chủ cho rằng: Tên sĩ dụng này, tức nhân tác dụng hiện có của các pháp, tức là bài Tụng kia nên nói thế này: Vì đồng lôi kéo một quả, nên gọi sĩ dụng.

Nếu vậy, chỉ vô gián cách việt có quả sĩ dụng, trong câu sinh đều có thể có tất cả trong câu sinh, đều đồng chung được một quả sĩ dụng, vì tự thể không nhân tự lực sinh, cũng không thể nói đều lôi kéo riêng quả. Chớ cho rằng, vì đều cùng có nhân chẳng phải một quả. Trong đây, sĩ dụng, sĩ lực, sĩ năng, thể phần của sĩ, về nghĩa đều không có riêng công năng các pháp, vì như sĩ dụng, nên gọi là sĩ dụng, như người mạnh mẽ, vì giống với sư tử, nên gọi là sư tử.

Há không là hai nhân Đồng loại, biến hành vô gián sinh, cũng là quả sĩ dụng! Nhưng hai nhân của quả đẳng lưu, vô gián, đã sinh các pháp, hoặc phải, hoặc chẳng phải, tất cả quyết định, gọi quả sĩ dụng.

Vì sao chỉ nói Nhân Câu hữu, tương ứng, được, quả sĩ dụng, chẳng phải đồng loại, biến hành? Chỉ hai nhân này đầy đủ công năng được câu sinh vô gián, quả sĩ dụng, của hai nhân này, chẳng phải hai nhân trước, cho nên, không nói. Thành tựu quả đẳng lưu, chỉ giống với nhân tự nó, quả của đồng loại, biến hành chỉ có giống nhau, nên quả của hai nhân kia chỉ gọi đẳng lưu, quả khác chẳng phải đẳng lưu, chẳng phải do hai nhân này được. Lại, quả sĩ dụng nghĩa mạnh mẽ đều có tương ứng, chỉ

riêng nhân Câu hữu, được quả Sĩ dụng, cho nên, nói một cách riêng. Lại, nhân Đồng loại, mặc dù cũng có thể sinh ra vô gián, các quả sĩ dụng, nhưng chẳng phải tất cả đều có thể quyết định được. Vì các uẩn rớt ráo của A-la-hán không có vô gián sinh quả sĩ dụng, nên hai nhân Câu hữu, và tương ứng, quyết định được quả sĩ dụng. Cho nên, nói thiên về một bên.

Có sư khác nói: Nhân Năng tác v.v... cũng có công năng được nghĩa của quả sĩ dụng, chẳng phải nhân Dị thực, hai quả sĩ dụng: câu sinh, vô gián, vì quả này đã không có.

Có sư khác nói: Nhân Dị thực này cũng có quả sĩ dụng cách vượt xa. Thí như quả chắc thật mà nhà nông đã thu hoạch.

Đã nói về quyết định tương đối của nhân, quả. Nay, sẽ nói về sự khác nhau của tướng quả. Quả dị thực v.v... tướng nó thế nào? Tụng nói:

*Pháp vô ký, dị thực
Hữu tình, hữu ký sinh
Đẳng lưu giống tự nhân
Ly hệ do tuệ tận
Nhân ở sức kia sinh
Quả ấy, gọi sĩ dụng
Trừ pháp hữu vi trước*

Quả hữu vi tăng thượng.

Luận nói: Chỉ trong pháp vô phú vô ký, có quả dị thực.

Nếu vậy, số phi hữu tình cũng là dị thực. Vì muốn phân biệt số phi hữu tình kia, nên thuyết nói hữu tình, chỉ đối với hữu tình vì có dị thực.

Nếu vậy, nuôi lớn, đẳng lưu trong số hữu tình kia, nên là dị thực. Lại, vì phân biệt pháp vô ký kia nên nói: Hữu ký sinh. Tất cả bất thiện và thiện hữu lậu, vì công năng ghi nhận dị thực, nên gọi hữu ký. Từ đó về sau, dị thực mới khởi, không phải đều có vô gián gọi hữu ký sinh. Như thế, gọi là tướng của quả dị thực.

Há không là dị thực, cũng dùng thể của quả dị thực, ở phần vị trước làm nhân Đồng loại, là vì quả đẳng lưu của dị thực trước, tức cũng nói từ vô ký sinh, là tánh đẳng lưu. Tại sao lại nói từ hữu ký sinh, chẳng phải tánh đẳng lưu?

Không có lỗi như thế, vì thể của quả dị thực, do tướng của nhân Đồng loại có tạp loạn.

Do tướng của nhân Dị thực không có lẫn lộn, cho nên chỉ nói: Từ hữu ký sinh.

Do đây so sánh biết. Chẳng phải tánh đẳng lưu, vì quả đẳng lưu và nhân giống nhau, vì có xen lẫn rối loạn.

Nếu quả dị thực, và tướng của nhân khác nhau, vì không có lẫn lộn, nên số phi hữu tình, cũng từ nghiệp sinh. Vì sao không nói là quả dị thực?

Điều này không nên vấn nạn, vì chỉ quả có được của nghiệp không chung, gọi là dị thực.

Vì sao phi tình, chẳng phải chỉ quả có được do nghiệp không chung?

Vì ngoài pháp phi tình, có thể trong đó thọ dụng chung.

Há không là phi tình được trụ ở trời Đại phạm là quả nghiệp riêng? Cũng nên nói quả đó được gọi dị thực của nghiệp, sao lại nói phi mà có nói như thế?

Nơi cư trú của Đại Phạm, tất cả do nghiệp của Đại Phạm tăng thượng sinh.

Có thuyết khác lại nói: Chỗ ở của Đại Phạm, nối tiếp nhau chưa hoại, chỗ cư trú khác có thể ở trong đó có lý thọ dụng, nên chẳng phải không chung.

Làm sao một vật và vô lượng nghiệp hữu tình chiêu cảm chung?

Há không đã nói: Ngoài phi tình, có thể thọ chung ở trong đó?

Nếu quả phi tình được chiêu cảm do nghiệp không chung, thì tùy theo vào dị thực đều cùng lúc khởi hết. Lại, đời hiện tại trông thấy, khi chủ nước băng hà, quốc độ của vua cũng nối tiếp nhau tồn tại. Nếu nước của vua chỉ nghiệp của chủ chiêu cảm, chẳng phải do nghiệp của hữu tình khác chiêu cảm chung, nghĩa là hữu tình khác nên không thể thọ dụng ở trong đó. Lại, nếu được chiêu cảm do nghiệp riêng của phi tình, thì mỗi nơi cư trú, nhà cửa, vườn, rừng, ao, suối, thành quách, núi, sông, của thân các hữu tình, đều khác, mà thật ra thì không như vậy, nên biết, một vật được chiêu cảm chung do vô lượng nghiệp hữu tình.

Há không là thể của nghiệp có các thứ, nên không thể chiêu cảm quả không có các thứ, sao có thể nói là nhiều nghiệp của vô lượng hữu tình, đồng chiêu cảm một vật phi tình? Không có lỗi như thế. Ví như mầm v.v... quán sát nhân tự loại mà vì trở thành một, nghĩa là như mầm v.v., mặc dù nhân sức đất, nước, giờ giấc, nhân công, phân v.v... khởi, nhưng vì quán sát nhân tự loại, nên thành một, chẳng phải vì quán sát các nhân như đất v.v... nên thành nhiều.

Phi tình như thế, vì quán sát tự nhân, nên thể trở thành một vật, chẳng phải vì quán sát vô lượng nghiệp của hữu tình kia nên thể của

chúng thành nhiều.

Lại, thấy ở thế gian không phải các thứ nghiệp sinh các thứ quả.

Hỏi: Sao không thừa nhận các thứ nghiệp sinh không phải các thứ quả?

Đáp: Vì nghiệp được chiêu cảm ở trong phi tình.

Hỏi: Có nhân nào dùng nghiệp làm nhân Năng tác cho quả phi tình kia hay không ?

Đáp: Có, đã nói như trước.

Như thế, đã nói tướng của quả dị thực, tướng của quả đẳng lưu, nay kế sẽ nói: Pháp giống với tự nhân, gọi là quả đẳng lưu, nghĩa là giống với hai nhân: Đồng loại, và biến hành. Như nhân Đồng loại, nhiễm, vô ký, quả đẳng lưu kia, tướng của chúng cũng như thế. Như nhân Biến hành chỉ có nhiễm ô, quả đẳng lưu kia, tướng cũng như thế.

Há không là tánh đều cùng khởi của quả sĩ dụng, cũng giống với tự nhân? Sao có thể nói pháp giống với tự nhân, gọi quả đẳng lưu? Không có quả đẳng lưu, nào không giống với tự nhân mà có quả sĩ dụng khác với tự nhân. Cho nên, giống với tự nhân, gọi là quả đẳng lưu, nhất định không có lỗi lạm dụng quả sĩ dụng kia.

Há không cũng có nhân của quả đẳng lưu, như nhân Biến hành ở tại ở bộ khác dùng pháp của bộ khác làm quả đẳng lưu. Đẳng lưu của bộ khác, tánh nhân của bộ mình, vì đồng nhiễm ô, chẳng phải không giống nhau. Tánh quả sĩ dụng kia cũng có khác. Thế nên, với nhân chẳng nhất định tương tự.

Có sự khác giải thích: Nói giống với tự nhân, nghĩa là quả và nhân, có hai việc giống nhau.

1. Thể giống nhau.
2. Tánh giống nhau

Nói thể giống nhau, nghĩa là thọ, tướng v.v... nói tánh giống nhau nghĩa là , nhiễm v.v... Nếu ở trong quả sĩ dụng đều cùng khởi, thì loại tánh dù đồng, nhưng thể tất nhiên có khác, vì quả sĩ dụng thọ, chẳng phải thọ v.v... Hoặc là về sau, khởi trong quả sĩ dụng, loại thể, loại tánh đều chấp nhận có khác, nên không thể nói quả nhất định giống với nhân. Nếu là tánh của quả đẳng lưu, tất nhiên giống với nhân, ở trong đó, cũng có tự thể giống với nhân, nghĩa là chỉ quả đẳng lưu nhất định giống với nhân chính nó, nên giống với nhân, nói là không có lỗi xen lạm.

Nếu nhân Biến hành cũng được quả đẳng lưu, thì sao không thừa nhận quả này tức gọi nhân Đồng loại? Ở quả bộ chính nó, thực ra là

nhân Đồng loại, nếu đối với bộ khác, nó chỉ là biến chẳng phải đồng loại nhưng chẳng phải pháp biến khắp, mà tùy theo vào loại tánh của pháp đó, đều đối với tự bộ, chỉ nhân Đồng loại. Nếu các pháp biến đối với bộ khác đồng với loại nhiễm ô, chỉ có nhân Biến hành. Nhân này đối với tự bộ có đủ hai nghĩa nhân, nên nhân Biến hành dù được quả đẳng lưu, nhưng không thể thừa nhận, tức gọi nhân Đồng loại.

Như thế là đã nói về tướng của quả đẳng lưu. Tướng của quả ly hệ, nay kế sẽ nói.

Do pháp tận của tuệ, gọi quả ly hệ. Vì diệt nên gọi tận, vì trạch nên gọi tuệ, tức gọi là trạch diệt. Gọi quả ly hệ, nghĩa là do lựa chọn làm nhân, lia các ràng buộc, chứng diệt này, nên gọi là quả.

Như thế, đã nói về tướng của quả Ly hệ. Tướng của quả sĩ dụng. Nay kế sẽ nói.

Nếu pháp nhân được sinh do thế lực của pháp kia, tức nói pháp này, gọi là quả sĩ dụng. Quả này có bốn thứ: Câu sinh, vô gián, cách việt, và bất sinh, như trước đã nói: Nói câu sinh, nghĩa là cùng lúc, lại được sinh khởi do sức làm nhân lẫn nhau.

Nói vô gián. Nghĩa là kế về sau, do được sinh khởi nhờ sức của nhân của niệm trước, như pháp thế đệ nhất sinh khởi pháp trí nhãn.

Nói cách việt. Nghĩa là thời gian cách xa, lần lượt được sinh khởi do sức của nhân. Như nhà nông v.v... đối với lúa, ngô v.v...

Nói không sinh. Nghĩa là Niết-bàn, vì sức của đạo Vô gián đạt được. Niết-bàn này đã không sinh, sao lại nói: Vì sức của nhân kia sinh, nên gọi là quả sĩ dụng. Hiện thấy đối với đắc, cũng nói tên sinh như nói: Của cải của ta sinh, nghĩa là ta được của cải.

Nếu đạo Vô gián dứt các tùy miên, đã chứng trạch diệt. Trạch diệt như thế, gọi quả ly hệ và quả sĩ dụng. Nếu đạo Vô gián, không dứt tùy miên, chứng lại sở chứng trạch diệt khi xưa. Trạch diệt như thế, chẳng phải quả ly hệ, chỉ có quả sĩ dụng, nghĩa là người hoàn toàn chưa lia tham giới dục. Khi nhập Kiến đạo, khổ pháp trí Nhãn đoạn mười tùy miên, sở chứng trạch diệt. Trạch diệt như thế, gọi là quả ly hệ và quả sĩ dụng. Nếu là người hoàn toàn đã lia tham giới dục, lúc nhập Kiến đạo, khổ pháp trí nhãn không dứt tùy miên, chứng bản trạch diệt. Trạch diệt như thế, không phải quả ly hệ, vì ly trước hệ là quả sĩ dụng. Do sức nhãn này, lại khởi đắc khác, mà vì chứng lập lại.

Nếu phân tích người đã lia tham giới dục, khi nhập Kiến đạo, khổ pháp trí nhãn đối với mười tùy miên, có đoạn, không dứt, đã chứng trạch diệt, có mới, có cũ, như thứ lớp đó, hai quả, một quả.

Như thế, cho đến đạo pháp trí nhãn. Nếu người hoàn toàn chưa lìa, đã lìa, từng phần lìa tham giới dục. Đối với tám tùy miên, hoàn toàn dứt, không đoạn, phần đoạn, không đoạn, đã chứng trạch diệt, có mới, có cũ. Và có mới cũ, như thứ lớp đó hai quả, một quả, hai quả, một quả, nghĩa như trước đã giải thích. Nếu hoàn toàn chưa lìa tham cõi Sắc, Vô sắc, khi nhập Kiến đạo, khổ loại trí nhãn, dứt mười tám tùy miên cõi Sắc, cõi Vô sắc, đã chứng trạch diệt.

Trạch diệt như thế, gọi quả ly hệ và quả sĩ dụng. Nếu phần đã lìa tham cõi Sắc, cõi Vô sắc, thì khi nhập Kiến đạo, khổ loại trí nhãn đối với mười tám tùy miên cõi Sắc, cõi Vô sắc, có dứt, không đoạn, đã chứng trạch diệt có mới, có cũ, như thứ lớp đó, hai quả, một quả. Như thế, cho đến Đạo Loại trí nhãn.

Nếu hoàn toàn chưa lìa và phần đã lìa tham cõi Sắc, cõi Vô sắc, đối với mười bốn tùy miên cõi Sắc, cõi Vô sắc, đối với mười bốn tùy miên của sắc, Vô sắc, cũng có hoàn toàn đoạn, phần dứt, không dứt, đã chứng trạch diệt, có mới, có cũ, như thứ lớp đó, cũng có hai quả, nghĩa của hai quả, một quả, như trước đã giải thích.

Các đạo Vô gián ở trong Tu đạo, đều tùy theo vào nghĩa của hai quả, một quả kia, như so sánh, nên tư duy.

Như thế, đã nói về tướng của quả ly hệ.

Tướng của quả Tăng thượng nay, kế sẽ nói: các pháp hữu vi, trừ ở sự sinh trước, còn lại hữu vi là quả tăng thượng, tất nhiên không có ít quả ở nhân sinh trước, quả ở nhân trước và quả này có lỗi gì không?

Nếu pháp vị lai, quả của pháp đó đã sinh, tức là vị lai sở tác đã xong vì không có công dụng, nên không sinh lại, chẳng phải vốn bất sinh, mà có thể diệt, vì vô sinh diệt, nên các hành lẽ ra thường. Nếu cho các hành này nên như pháp bất sinh, mặc dù không có sinh diệt, nhưng tự thể không phải thường thì sự bào chữa này không đúng. Vì thấy chủng loại của các hành kia, có sinh diệt, so sánh pháp không sinh, có thể là vô thường. Nếu các hành từ trước đến nay đều không sinh diệt, thì so sánh với gì để có thể nói, thể của hành kia chẳng phải thường. Cho nên, không thành bào chữa.

Sự khác nhau của hai quả tăng thượng, sĩ dụng, làm sao biết?

Vì đối với tạo tác, thọ nhận có khác nhau, nên biết tên của quả sĩ dụng, chỉ đối với tạo tác, tên quả tăng thượng, gồm đối với thọ nhận, như lúa, ngô v.v... đối với các nhà nông, được gọi là quả sĩ dụng. vì sức của nhà nông kia nảy sinh, nên cũng là quả tăng thượng. Vì sự thọ dụng kia, nên đối chỉ có thọ nhận thì chỉ có quả tăng thượng, chẳng phải sức

nhà nông kia sinh, vì họ thọ dụng, những thành tựu do công thợ, đối với các công thợ giỏi và đối với chẳng phải thợ hai quả, một quả, theo như trên nên biết, so sánh với pháp khác đều như thế.

Trong sáu thứ nhân đã nói ở trên, vị nào, nhân nào nhận lấy quả cho quả? Tụng nói:

*Năm lấy quả chỉ hiện
Hai cho quả cũng thế
Quá- hiện cho hai nhân
Một chỉ cho quá khứ.*

Luận nói: Năm nhân nhận lấy quả, chỉ ở hiện tại, quyết định chẳng phải quá khứ. Vì nhân kia đã nhận lấy, cũng chẳng phải vị lai, vì nhân kia không có dụng. Nói nhận lấy quả, là nghĩa năng dẫn, nghĩa là dẫn vị lai, khiến cho sự sinh v.v... kia, đối với loại đồng thể, có công năng làm chủng tử. Đối với loại khác thể, do đồng một quả, đối với chẳng phải một quả, do loại đồng tánh, đối với loại khác tánh mà do có là nhóm của tự nó nối tiếp nhau, cho nên tất cả đều gọi khả năng dẫn.

Năng dẫn như thế, gọi là nhận lấy quả. Công dụng nhận lấy quả này ở hiện tại có, chẳng phải ở khứ, lại, chỉ nhận lấy quả này, có thể gọi là tác dụng hữu vi.

Trong sáu nhân, lược bỏ nhân nào, mà nói năm nhân?

Chỉ hiện nhận lấy quả, nghĩa là trong sáu nhân, trừ nhân Năng tác. Nhân Năng tác này vì sao bị lược bỏ?

Có sự khác nói: Nhân Năng tác này khi nhận lấy quả, cho quả không có quyết định, nên trong nhận lấy và cho, đều không phân biệt.

Thuyết kia nói phi lý. Vì sao? Vì sự nhận lấy quả của nhân này đều hiện tại. Lại, chẳng phải không nhận lấy, mà có nghĩa cho.

Vì sao nói thời gian không có quyết định?

Nhưng nhân Năng tác, hay nhận lấy quả, nghĩa là nhất định chỉ hiện tại, cho quả chung ở quá khứ, hiện tại, nên như hai nhân: Đồng loại, và biến hành, chỉ chẳng phải tất cả có quả tăng thượng, có thể nhận lấy, hoặc cho, nên ở đây không nói.

Há không là nhân này hay nhận lấy dụng của quả cũng chung cho quá khứ, vì sao nói: Có thể nhận lấy quả, nhất định chỉ hiện tại?

Cho nên, trong luận này, này nói rằng: Các pháp quá khứ làm đấng vô gián, có công năng sinh hai tâm. Nếu xuất tâm vô tướng, định diệt tận, do nhập tâm định, nhận lấy hiện tại, thì hai định không bao giờ hiện ở trước.

Lại, chẳng phải không nhận lấy mà có nghĩa cho, nên lẽ ra nhận

lấy quả cũng có ở quá khứ.

Không có việc như thế, nhập hai tâm định, chỉ thời gian hiện tại, có thể nhận lấy hai định và quả xuất tâm. Tuy nhiên, do hai định là sở cầu chính yếu, tất nhiên nên khởi trước, do đó là chướng ngại, khiến xuất tâm định chẳng phải ở tâm nhập vô gián khởi tức khởi. (nghĩa này về sau, sẽ phân biệt lại), nên ở trên nói: Nhân này nhận lấy quả đều hiện tại. Lại, chẳng phải không nhận lấy mà có nghĩa cho, lý đó cực thành. Nhưng Tỳ-bà-sa có nói như thế này: Nhân Năng tác kia nhận lấy quả, cho quả, đều có ở quá khứ, hiện tại.

Về lý, không nên như thế, vì pháp ở hiện tại, cũng như hai nhân Đồng loại, và biến hành, vì nhận lấy chung vị lai làm tự quả. Câu hữu tương ứng với quả cũng thế chỉ ở hiện tại, do hai nhân này nhận lấy quả, cho quả, tất nhiên, vì cùng lúc. Hai nhân Đồng loại, và biến hành cho quả, chung với quả hiện, tức có các quả trong nhân Năng tác nên đồng với hai nhân này. Tuy nhiên vì chẳng phải tất cả đều chấp nhận có quả, nên ở đây không biện luận về sự cho quả của hai nhân Đồng loại, và biến hành.

- Quả khứ có thể như thế, hiện tại cho quả đẳng lưu như thế nào?

- Vì có quả đẳng lưu vô gián sinh, nghĩa là hai nhân này có quả đẳng lưu vô gián sinh, tức là thời gian hiện tại, đối với quả vô gián, vừa nhận lấy, vừa cho. Quả này sinh, nhân dứt ở quá khứ, gọi đã lấy, cho. Nếu hai nhân này diệt cùng cực quá khứ thì quả đẳng lưu kia mới đến lúc sinh, tức là hai nhân này đối với quả đang sinh, trước lấy, nay cho.

Nói cho quả. Nghĩa là các nhân này đang cho sức của quả kia, khiến nó sinh v.v... Nhân Năng tác đó đang ở hiện tại, quả tăng thượng kia có hiện đã sinh, như nhân căn v.v... làm nhân Năng tác, sinh nhân thức v.v... Các quả tăng thượng có vô gián sinh, như pháp thế đệ nhất v.v... làm nhân năng sinh khổ pháp trí nhẫn v.v... Các quả tăng thượng có cách vượt sinh, như căn của thuận giải thoát phần, đồng làm nhân Năng tác, sinh Tận trí v.v... của Bồ-đề ba thừa. Các quả tăng thượng, nhân Đồng loại, có lúc lấy quả mà chẳng phải cho quả, lẽ ra bốn luận chứng.

Luận chứng thứ nhất: Nghĩa là khi đoạn căn, sau cùng bỏ đắc.

Luận chứng thứ hai: Nghĩa là khi nối tiếp căn, đầu tiên đắc của chỗ đắc. Kinh chủ ở đây, ngộ nhận lời nói này: Lẽ ra nên nói về sự nối tiếp lúc bấy giờ, nghĩa là đắc trước kia. Nay, chứng tỏ thuyết của Kinh chủ kia, về lý không thích hợp. Vì sao? Vì chẳng phải ở vị đoạn, xả đắc rất ráo, với thời gian nối tiếp hiện nay, bắt đầu, được quả đẳng lưu, vì

ở địa vị đoạn, đắc đã diệt trước, cũng với thời gian nối tiếp, được đăng lưu.

Làm sao ở địa vị trước, đắc của nhiều sát-na, làm nhân Đồng loại?

Vì đều lấy đắc hiện nay, mà ở vào thời gian hiện nay, chỉ nói đắc một sát-na sau cùng với đắc quả hiện nay.

Cho nên, nên như Bản văn là tốt nhất.

Luận chứng thứ ba: Nghĩa là không dứt căn, đối với các địa vị khác.

Luận chứng thứ tư: Nghĩa là trừ tướng trước.

Lại, ở trong nhân Đồng loại bất, cũng có bốn luận chứng:

Luận chứng thứ nhất: Nghĩa là khi lìa tham dục, về sau xả đắc.

Luận chứng thứ hai: Nghĩa là khi thoái lui sự lìa dục, đầu tiên được sở đắc. Ở đây Kinh chủ cũng nói rằng: Lẽ ra phải nói về người lùi lại lúc ấy nghĩa là đắc trước kia. Nay, đủ rõ thuyết của Kinh chủ kia, về lý cũng không đúng, vì có lỗi đã nói như trước.

Luận chứng thứ ba: Nghĩa là chưa lìa tham dục ở các giai vị khác.

Luận chứng thứ tư: Nghĩa là trừ tướng trước.

Trong nhân Đồng loại hữu phú, vô ký cũng có bốn luận chứng: Đối với A-la-hán, lúc chứng đắc, khi thoái lui, chưa chứng đắc và pháp khác, như lý nên nói.

Trong nhân Đồng loại vô phú vô ký, có khi thuận với luận chứng sau, nghĩa là khi cho quả tất nhiên, cũng lấy quả vô phú vô ký làm nhân Đồng loại. Cho đến Niết-bàn, thường nối tiếp nhau. Đôi khi nhận lấy quả, mà không cho quả, nghĩa là các uẩn rớt ráo của A-la-hán.

Căn cứ ở có sát-na khác nhau của sở duyên, nhân Đồng loại, nên tạo ra bốn luận chứng.

Luận chứng thứ nhất: Nghĩa là tâm vô gián, khởi tâm nhiễm vô ký.

Luận chứng thứ hai: là trái với trên.

Luận chứng thứ ba: Nghĩa là tâm vô gián, lại khởi tâm

Luận chứng thứ tư: Nghĩa là trừ tướng trước.

Tâm bất v.v... như thích hợp của nó, cũng có bốn luận chứng. So sánh, căn cứ, nên nói: Dị thực cho quả chỉ ở quá khứ, do quả dị thực không đi chung với nhân, hoặc vô gián.

Các sư phương Tây nói quả có chín: Ngoài năm quả trước, lập riêng bốn quả.

1. Quả gia hạnh. Nghĩa là như Vô sanh trí v.v... xa làm quả bất tịnh v.v...

2. Quả an lập. Nghĩa là như thí luân làm quả của phong luân, cho đến cây cỏ v.v... làm quả của đại địa, như thế tất cả pháp được an lập, phải biết đều làm quả của chủ thể an lập.

3. Quả hòa hợp. Nghĩa là như mầm v.v... làm quả của thời gian, đất, nước, hạt giống v.v... và nhãn thức v.v... làm quả của mắt, sắc, ánh sáng, tác ý v.v...

4. Quả tu tập. Nghĩa là như hóa tâm v.v... làm các quả của tĩnh lự.

Bốn quả như thế, đều thuộc về quả tăng thượng, sĩ dụng, do đó nên nói quả chỉ có năm.

Đã nói về nhân, quả rồi. Lại, phải tư duy, lựa chọn.

Hỏi: Trong đây, có bao nhiêu pháp do nhân sinh?

Đáp: Nên biết pháp trong đây lược có bốn, nghĩa là pháp nhiệm ô, pháp dị thực sinh, pháp vô lậu đầu tiên, pháp ngoài ba pháp trước. Pháp ngoài là gì? Nghĩa là trừ dị thực, pháp vô ký khác, trừ vô lậu đầu tiên, các pháp khác, bốn pháp như thế, tụng nói:

*Nhiệm ô, dị thực sinh
Thánh pháp theo thứ tự
Trừ dị thực, biến hành
Và đồng loại, khác sinh,
Đây là tâm tâm sở
Ngoài ra trừ tương ưng.*

Luận nói: Các pháp nhiệm ô, trừ nhân Dị thực, năm nhân còn lại sinh. Do nhân Dị thực sinh các pháp, vì chẳng phải nhiệm ô. Pháp dị thực sinh, trừ nhân Biến hành, năm nhân còn lại sinh, do nhân Biến hành sinh các pháp, chỉ vì nhiệm ô. Pháp ngoài ba pháp trước, trừ song song hai nhân: Dị thực, và biến hành. Bốn nhân còn lại sinh, do pháp ấy vì chẳng phải tánh dị thực, và vì chẳng phải nhiệm ô, nên pháp vô lậu đầu tiên và trừ đồng loại, và nói là vì biểu thị, cũng trừ hai nhân: Dị thực, và biến hành, ba nhân còn lại sinh, do vô lậu đầu tiên, không có sự sinh trước, vì pháp đồng loại và vì là.

Có sư nói khác nói: Trong đây, nên nói các pháp nhiệm ô của bốn nhân sinh. Vì sao? Vì thể của nhân Biến hành, là nhân Đồng loại, không có tánh riêng.

Sư kia nói phi lý. Vì sao? Vì nếu nhiệm ô kia không nói là nhân Biến hành, bèn vì không nói là nhân nhiệm của bộ khác. Nếu nhiệm

ô không nói là nhân đồng loại, thì bèn không nói: “Chẳng phải biến hành” và pháp biến hành đặc nhân của các pháp nhiệm. Nhưng thật ra, tham v.v... lấy tham v.v... làm nhân. Đặc, do nhân của đặc mà được sinh khởi, nên pháp nhiệm ô trừ nhân Dị thực, năm nhân còn lại sinh. Thuyết này hợp lý.

Bốn pháp như thế, vì nói những gì?

Nên biết, chỉ là pháp tâm, tâm sở.

Nếu vậy, thì bất tương ứng hành còn lại và bốn pháp sắc, lại có bao nhiêu nhân sinh? Như tâm, tâm sở, ngoài nhân được trừ và trừ tương ứng, nên biết pháp còn lại từ bốn, ba, hai nhân còn lại sinh, nghĩa là sắc nhiệm ô, bất tương ứng hành, như tâm, tâm sở, trừ nhân Dị thực và trừ tương ứng, bốn nhân còn lại sinh. Sắc Dị thực sinh bất tương ứng hành, như tâm, tâm sở, trừ nhân Biến hành và nhân Tương ứng. Bốn nhân còn lại sinh sắc ngoài ba pháp trước, bất tương ứng hành như tâm, tâm sở, trừ cả hai nhân: dị thực, và biến hành và trừ tương ứng, ba nhân còn lại sinh. Bất tương ứng hành và sắc vô lậu đầu tiên, như tâm, tâm sở, trừ ba nhân trước và trừ tương ứng. Hai nhân còn lại sinh, một nhân sinh pháp, quyết định không có. Nay, nên tư duy chọn lựa.

Trong tất cả pháp, pháp nào có thể làm bao nhiêu tự tánh nhân?

Nghĩa là hoặc có pháp đầy đủ có thể làm tự tánh của sáu nhân. Theo thứ lớp, cho đến có pháp có thể làm tự tánh của một nhân. Có pháp trong đây, đầy đủ công năng làm tánh của sáu nhân, nghĩa là các pháp tâm, tâm sở biến hành bất quá khứ, hiện tại. Có pháp có thể làm tánh của năm nhân, nghĩa là các pháp tâm, tâm sở phi biến hành bất quá khứ, hiện tại, hoặc pháp tâm, tâm sở biến hành vô ký, hoặc pháp tâm, tâm sở hữu lậu, hoặc bất tương ứng hành, biến bất.

Có pháp có thể làm tánh của bốn nhân, nghĩa là các sắc pháp bất quá khứ, hiện tại. Hoặc sắc hữu lậu, tâm bất tương ứng hành. Hoặc tâm bất tương ứng hành, phi biến bất, hoặc tâm bất tương ứng hành, biến vô ký. Hoặc pháp tâm, tâm sở phi biến vô ký. Hoặc các pháp tâm, tâm sở vô lậu. Hoặc các pháp tâm, tâm sở hữu lậu, bất vị lai.

Có pháp có thể làm tánh của ba nhân, nghĩa là các sắc pháp vô ký quá khứ, hiện tại. Hoặc tâm bất tương ứng hành phi biến vô ký. Hoặc tâm bất tương ứng của Vô sắc lậu, hoặc bất vị lai và tâm bất tương ứng hành của sắc hữu lậu, hoặc pháp tâm, tâm sở vô lậu, vô ký.

Có pháp có công năng làm tánh của hai nhân. Nghĩa là các tâm bất tương ứng hành của sắc vô lậu, vô ký ở vị lai.

Có pháp có công năng làm tánh của một nhân. Đó là pháp vô vi,

pháp vô chẳng phải nhân, pháp có chẳng phải quả, cái gọi là hư không và phi trạch diệt, lại nên tư duy lựa chọn.

Sáu nhân như thế, tự tánh đối nhau, có thuận tuý, có xen lẫn. Và lại nhân Năng tác đối với nhân Câu hữu, là thuận với luận lý sau, nghĩa là nhân Câu hữu tất nhiên có năng tác xen lẫn, có năng tác thuận tuý, chẳng phải nhân Câu hữu, nghĩa là pháp vô vi. Lại, nhân Năng tác đối với nhân Đồng loại, cũng thuận với luận chứng sau, nghĩa là nhân Đồng loại, tất nhiên năng tác xen lẫn, có năng tác thuận tuý, chẳng phải nhân Đồng loại, nghĩa là pháp vị lai và pháp vô vi.

Lại, nhân Năng tác đối với nhân Tương ứng, cũng thuận với luận chứng sau, nghĩa là nhân Tương ứng, tất nhiên năng tác xen lẫn. Có năng tác thuận tuý chẳng phải nhân Tương ứng, nghĩa là các sắc pháp, bất tương ứng hành và pháp vô vi.

Lại, nhân Năng tác đối với nhân Biến hành, cũng thuận với luận chứng sau, nghĩa là nhân Biến hành, tất nhiên có năng tác xen lẫn. Có năng tác thuận tuý chẳng phải nhân Biến hành, nghĩa là pháp vị lai, quá khứ, hiện tại, chẳng phải là pháp biến hành và pháp vô vi.

Lại, nhân Năng tác đối với nhân Dị thực cũng thuận với luận chứng sau, nghĩa là nhân Dị thực, tất nhiên có năng tác xen lẫn. Có năng tác thuận tuý, chẳng phải nhân Dị thực, nghĩa là pháp vô ký và pháp vô lậu. Nếu nhân Câu hữu đối với nhân Đồng loại, vì thuận luận chứng sau, nghĩa là nhân Đồng loại, tất nhiên câu hữu xen lẫn. Có khi câu hữu thuận tuý chẳng phải nhân Đồng loại nghĩa là pháp vị lai.

Nếu nhân Câu hữu đối với nhân Tương ứng, cũng thuận với luận chứng sau, nghĩa là nhân Tương ứng, tất nhiên câu hữu xen lẫn. Có khi câu hữu thuận tuý, chẳng phải nhân Tương ứng, nghĩa là các sắc pháp bất tương ứng hành.

Lại, nhân Câu hữu đối với nhân Biến hành, cũng thuận với luận chứng sau, nghĩa là nhân Biến hành, tất câu hữu có xen lẫn. Có câu hữu thuận tuý, chẳng phải nhân Biến hành, nghĩa là pháp vị lai, quá khứ, hiện tại, chẳng phải pháp biến hành.

Lại, nhân Câu hữu đối với nhân Dị thực, cũng thuận với luận chứng sau, nghĩa là nhân Dị thực, tất nhiên câu hữu xen lẫn. Có câu hữu thuận tuý, chẳng phải nhân Dị thực, nghĩa là pháp vô lậu vô ký trong các hữu vi.

Nếu nhân Đồng loại đối với nhân Tương ứng, nên tạo ra bốn luận chứng.

Luận chứng thứ nhất: Nghĩa là bất tương ứng hành của sắc quá

khứ, hiện tại.

Luận chứng thứ hai: Nghĩa là pháp tâm, tâm sở của đời vị lai.

Luận chứng thứ ba: Nghĩa là pháp tâm, tâm sở của đời quá khứ, hiện tại.

Luận chứng thứ tư: Nghĩa là bất tương ứng hành, của sắc vị lai và pháp vô vi.

Lại, nhân Đồng loại đối với nhân Biến hành, là thuận với luận chứng sau. Nghĩa là nhân Biến hành, tất nhiên đồng loại xen lẫn.

Có đồng loại thuần túy, chẳng phải nhân Biến hành, nghĩa là đời quá khứ, hiện tại, chẳng phải pháp biến hành.

Lại, nhân Đồng loại đối với nhân Dị thực, nên tạo ra bốn luận chứng:

Luận chứng thứ nhất: Nghĩa là pháp vô lậu, vô ký quá khứ, hiện tại.

Luận chứng thứ hai: Nghĩa là bất vị lai và pháp hữu lậu.

Luận chứng thứ ba: Nghĩa là bất quá khứ, hiện tại và pháp hữu lậu.

Luận chứng thứ tư: Nghĩa là vô lậu, vô ký đời vị lai và pháp vô vi.

Nếu nhân Tương ứng đối với nhân Biến hành, thì nên tạo ra bốn luận chứng:

Luận chứng thứ nhất: Nghĩa là pháp tâm, tâm sở đời vị lai, pháp tâm, tâm sở phi biến quá khứ, hiện tại.

Luận chứng thứ hai: Nghĩa là biến bất tương ứng hành quá khứ, hiện tại.

Luận chứng thứ ba: Nghĩa là pháp tâm, tâm sở biến ở quá khứ, hiện tại.

Luận chứng thứ tư: Nghĩa là các sắc pháp, tất cả bất tương ứng hành vị lai, chẳng phải biến bất tương ứng hành quá khứ, hiện tại và pháp vô vi.

Lại, nhân Tương ứng đối với nhân Dị thực, cũng tạo ra bốn luận chứng:

Luận chứng thứ nhất: Nghĩa là pháp tâm, tâm sở vô lậu, vô ký.

Luận chứng thứ hai: Nghĩa là bất tương ứng hành, sắc hữu lậu, bất.

Luận chứng thứ ba: Nghĩa là pháp tâm, tâm sở hữu lậu, bất.

Luận chứng thứ tư: Nghĩa là bất tương ứng hành, sắc vô lậu vô ký và pháp vô vi.

Nếu nhân Biến hành đối với nhân Dị thực, nên tạo ra bốn luận chứng:

Luận chứng thứ nhất: Nghĩa là pháp biến hành vô ký, quá khứ, hiện tại.

Luận chứng thứ hai: Nghĩa là bất vị lai và pháp hữu lậu. Hữu lậu, bất quá khứ, hiện tại chẳng phải pháp biến hành.

Luận chứng thứ ba: Nghĩa là pháp biến hành bất quá khứ, hiện tại.

Luận chứng thứ tư: Nghĩa là pháp vô lậu, vô ký đời vị lai, pháp phi biến vô ký, vô lậu quá khứ, hiện tại và pháp vô vi. Lại, nên tư duy lựa chọn.

Sự khác nhau của các môn sắc, phi sắc v.v... của sáu nhân như thế, nghĩa là hai nhân: tương ứng, và biến hành trong sáu nhân chẳng phải sắc, bốn nhân còn lại, có cả sắc, phi sắc, có thấy, không có thấy, có đối, không có đối, nên biết cũng thế.

Lại, trong sáu nhân, chỉ nhân Tương ứng, chỉ pháp tương ứng, còn lại chung pháp bất tương ứng, tương ứng, có chỗ dựa, không có chỗ dựa, có phát ngộ, không có phát ngộ, có hành tướng, không có hành tướng, có sở duyên, không có sở duyên, nên biết cũng thế.

Lại hai nhân: dị thực, và biến hành trong sáu nhân chỉ có hữu lậu. Bốn nhân khác có cả hữu lậu, vô lậu. Lại, một nhân Năng tác trong sáu nhân có cả hữu vi, vô vi. Năm nhân còn lại, hoàn toàn là hữu vi. Lại, một nhân Biến hành trong sáu nhân chỉ là nhiễm, năm nhân còn lại có cả nhiễm, không nhiễm, và có tội, không có tội, đen, trắng, hữu phú, vô phú, thuận với thoái lui, không thuận với thoái lui, nên biết cũng vậy.

Lại, một nhân Dị thực trong sáu nhân, chỉ có dị thực, năm nhân còn lại có cả dị thực và không dị thực.

Lại, một nhân Năng tác trong sáu nhân, có cả ba đời và chẳng phải đời, ba nhân: câu hữu, tương ứng, và dị thực, đều có cả ba đời, hai nhân: đồng loại, và biến hành, chỉ có ở quá khứ, hiện tại.

Lại, một nhân Biến hành trong sáu nhân, bất, vô ký, một nhân Dị thực, có cả, bất, bốn nhân khác, đều có cả ba tánh.

Lại, dị thực và biến hành trong sáu nhân, lệ thuộc cả ba cõi, bốn nhân còn lại lệ thuộc cả ba cõi và có cả không lệ thuộc.

Lại, hai nhân Biến hành, và dị thực trong sáu nhân, chỉ là phi học, phi Vô học, bốn nhân còn lại đều có cả ba loại.

Lại, một nhân Biến hành trong sáu nhân, chỉ Kiến đạo đoạn, một nhân Dị thực có cả Kiến đạo đoạn và Tu đạo đoạn, bốn nhân còn lại, có

cả Kiến đạo đoạn và Tu đạo đoạn và phi sở đoạn.

Lại, một nhân Năng tác trong sáu nhân, thuộc về cả bốn đế và không thuộc về đế. Hai nhân: biến hành và dị thực chỉ thuộc về khổ đế, tập đế, ba nhân còn lại thuộc về cả ba đế: Khổ, Tập, Đạo.

Lại, tương ứng, biến hành trong sáu nhân, chỉ thuộc về bốn uẩn, ba nhân: câu hữu, đồng loại, và dị thực, chung thuộc về cả năm uẩn, một nhân Năng tác chung thuộc về năm uẩn và thuộc về chẳng phải uẩn.

Lại, tương ứng, và biến hành trong sáu nhân, thuộc về ý, pháp, xứ, một nhân Dị thực thuộc về bốn xứ: sắc, thanh, ý, pháp, ba nhân còn lại thuộc về mười hai xứ.

Lại, một nhân Biến hành trong sáu nhân, ý, pháp, ý thức thuộc về ba cõi, một nhân Tương ứng thuộc của giới bảy tâm, và giới pháp, một nhân Dị thực thuộc về cõi Sắc, thanh và giới bảy tâm, giới pháp, ba nhân còn lại thuộc về mười tám giới.

Tướng khác nhau của các nhân, quả này, chẳng phải Nhất thiết trí thì không có khả năng biết khắp.

Đã thuận theo giác tuệ của chúng ta, trong nghĩa nhân, quả. Đã nói rộng về tướng nhân, quả, vì làm sáng tỏ lại, tư duy lựa chọn các duyên. Những gì là các duyên” Tụng nói:

Nói có bốn thứ duyên

Tánh năm nhân, nhân duyên

Đẳng vô gián, chẳng sau

Tâm, tâm sở đã sinh

Sở duyên tất cả pháp

Tăng thượng, tức năng tác.

Luận nói: Ở chỗ nào nói? Nghĩa là trong Khế kinh, như trong Khế kinh nói về bốn tánh duyên, nghĩa là tánh nhân duyên, tánh duyên đẳng vô gián, tánh nơi sở duyên duyên và tánh duyên tăng thượng.

Tánh duyên trong đây, tức là bốn duyên, như bốn chỗ cư trú, tức là tánh của chỗ cư trú.

Vì chỉ rõ chủng loại, nên nói về tánh, ý nói các duyên, tùy theo sự khác nhau, có vô lượng thể, nhưng tóm tắt nghĩa đó, đều xếp vào trong bốn chủng loại, nghĩa là tất cả duyên đều không vượt qua tánh này. Trong sáu nhân, trừ nhân Năng tác, năm nhân còn lại là tánh nhân duyên, như luận này nói Nhân duyên là gì? Nghĩa là tất cả pháp hữu vi, luận đã không nói, cũng xếp vào vô vi, nên lập năm nhân làm tánh nhân duyên.

Vì sao vô vi không lập nhân duyên?

Như trước đã giải thích, chỉ không có chướng ngại trụ, lập nhân Năng tác, chẳng phải thuộc về nhân khác, thể của Nhân Năng tác thấu nhiếp pháp cùng khắp tùy theo sự bất đồng, với nhiều thứ khác nhau. Thí dụ như pháp hành uẩn, pháp giới, pháp bảo, pháp quy, pháp niệm trụ v.v...

Vì thấu nhiếp pháp rất nhiều nên lập riêng, tên chung vì thấu nhiếp năm nhân và nghĩa không gồm thấu tánh của ba duyên, lập nhân Năng tác và duyên tăng thượng, vì thể đều rộng.

Lại, sự khác nhau của các tướng nhân ra sao?

Tướng khác nhau của nhân, lược có hai thứ:

1. Sinh nhân.

2. Liễu nhân.

Lại có hai thứ:

1. Nhân định.

2. Nhân bất định.

Lại có hai thứ:

1. Nhân chung.

2. Nhân không chung

Lại có hai thứ:

1. Nhân gần.

2. Nhân xa.

Lại có hai thứ:

1. Nhân của sinh trước.

2. Nhân cùng khởi.

Lại có hai thứ:

1. Nhân nối tiếp nhau của chính nó và khác.

2. Nhân của số phi hữu tình.

Mặc dù các pháp tánh vốn có, chẳng phải không mà là do công dụng thành, phải đợi sức nhân, như thể của các sắc tạo vốn chẳng phải không có, mà công dụng thành, tất nhiên nhân đại chủng, sự vượt hơn trong nhân đó, chỉ là năm nhân, như nhân vượt hơn của sắc tạo, là không có năm, không có pháp hữu vi nào thành mà không do nhân, như người bệnh gầy ốm không thể tự ngồi dậy.

Do nghĩa như đây, nên nói tụng rằng:

Không ít thành lập không do nhân

Tất cả do nhân Phật đã nói

Các pháp nhân nhiều, tế khó hiểu

Đời mê, bèn nói, không có nhân.

Tuy nhiên, Thượng tọa bộ nói: Tánh nhân duyên. Nghĩa là xưa, tùy theo giới, tức các hữu tình lần lượt nối tiếp nhau, có thể làm tánh nhân. Thượng tọa bộ kia cho rằng, Đức Thế Tôn nói trong Khế kinh, nên biết Bồ-đặc-già-la như thế, pháp ẩn mất, pháp ác xuất hiện, có tùy theo đều hiện hành, căn chưa dứt. Vì chưa dứt, nên từ căn này có khả năng khởi nghĩa căn khác, tùy theo đều có căn, tức xưa, tùy theo ở giới, lần lượt nối tiếp nhau, có công năng làm tánh nhân. Các loại như đây, được gọi nhân duyên. Ở đây cũng đồng với phá nghĩa chủng tử mà Kinh chủ đã chấp trước kia. Xưa tùy theo giới này, tức tên khác của chủng tử. Nay, nhân nghĩa, ấy là tùy theo Kinh chủ kia đã chấp danh nghĩa có khác. Lại, ngăn dứt, rộng, quán sát Thượng tọa bộ kia nói tùy theo giới, chỉ có lời nói giả dối, vì tìm tòi, tra gạn thể của danh nghĩa kia đều không thể được. Vì thế, nên cũng không nói ngay giới này có thể làm tánh nhân lần lượt nối tiếp nhau. Các hữu nối tiếp nhau, lần lượt làm nhân, vì thể hữu có thể được, như sắc, thọ v.v...

Nếu xưa kia tùy theo giới, là có sự nối tiếp nhau, lần lượt làm nhân, thì phải như sắc v.v... có “thể” có thể được.

Giới này là tướng gì? Là các thứ pháp, đã được huân tập thành giới, để làm tướng của nó. Điều này cũng khó biết, vì thể là sắc, cho đến thức, tùy theo ở giới, gọi xưa là hữu vi. Tất cả hữu vi đều thuộc về năm uẩn. Vì thế nếu là hữu, thì lẽ ra trong tánh năm uẩn v.v... tùy theo là một loại. Hoặc Thượng tọa bộ kia, nên nói: Có hữu vi nào chẳng phải thuộc về năm uẩn như sắc v.v...? Nhưng thể là hữu, có thể là cực thành, nên chỉ có lời nói đều không thật có thể.

Lại, xưa tùy theo giới không có tự “thể” để biết, giống như hợp hành, hòa hợp hữu v.v... xưa tùy theo giới này, tự “thể” không thể nói, chỉ có thể nói rằng, nghiệp phiền não này đã huân tập sáu xứ, chiêu cảm quả sinh khác. Giới này chẳng phải chỉ thể không thể nói, chỉ chấp là hữu, trái với lý, chẳng phải thể, không thể nói là cực thành hữu, vì các giả hữu như bình Bồ-đặc-già-la v.v... có “thể” nói là không có tự thể riêng.

Nếu các pháp sắc, thọ v.v... là thật có, thì mỗi pháp đều có thể nói vì có tự thể riêng, chẳng phải xưa tùy theo giới có thể nói, giống như bình Bồ-đặc-già-la, v.v... là giả có, cũng chẳng phải thật có, như pháp sắc v.v... Vì thế, không nên chấp giới này là có.

Đã thế, đâu được chấp giới làm nhân duyên, lại tùy theo giới mà nói, chẳng phải Thánh giáo nói, chỉ Thượng tọa bộ chuyên đặt tên này.

Lại Thượng tọa bộ kia thừa nhận các nghiệp phiền não nào đã huân tập sáu xứ, chiêu cảm quả sinh khác? Vì nghiệp phiền não đều cùng sinh diệt, nghĩa là vì thời gian sau này, nối tiếp nhau sinh hay vì vô gián sinh dị thực?

Nếu nghiệp phiền não đều cùng sinh sáu xứ, có thể chiêu cảm quả, thì sáu xứ sau sẽ không có khả năng chiêu cảm quả, đều cũng như thế.

Há có thể chiêu cảm quả, lẽ ra chỉ có nghiệp phiền não có chiêu cảm công năng quả, thì đâu cần chấp sáu xứ, chiêu cảm quả sinh khác.

Lại, Thượng tọa bộ kia không nên chấp nhất định mắt v.v... làm nhân giúp cho nghiệp phiền não cùng khởi. Người mù v.v... chỉ nương dựa vào duyên nghiệp phiền não, vì cũng chiêu cảm sinh mắt, tai khác v.v...

Lại, nhân và quả, đã thừa nhận cách vượt mà thành, đâu dùng chấp nhân này làm tùy theo giới xưa kia. Nếu thời gian sau này, nối tiếp nhau với sáu xứ, thì sẽ có thể chiêu cảm quả ấy, đều không tương ứng với nghiệp phiền não, làm sao huân tập nhân quả kia để có thể trở thành tùy theo giới, chẳng phải nghĩa tương ứng với có, không.

Há không là đặc của nhân quả có tương ứng với tướng đồng kia vì khiến cho trở thành duyên, nên lời nói tương đồng kia, về lý không tương ứng. Vì tướng kia, nói đồng với tướng kia, lẽ ra nói tương này đồng với tướng kia. Nhưng ở trong đây, lược qua lời nói của tướng này. Nghiệp phiền não này và thời gian sau kia nối tiếp sáu xứ, với loại tánh đều riêng.

Làm sao tướng này đồng với tướng kia? Há được tương ứng, khiến trở thành tánh duyên? Hoặc ý Thượng tọa bộ kia cho rằng, nghiệp phiền não đều có sáu xứ sắp diệt, với sáu xứ sau, tướng chúng là đồng.

Khiến thành duyên: Cũng không đúng. Tướng của sáu xứ trước ở vào lúc sắp diệt, thể sau chưa có. Vì thể chưa có, nên tướng kia cũng không có, đâu có đồng nhau, khiến trở thành tánh duyên, nên thuyết kia nói, chỉ có lời nói giả dối. Nếu nói tướng kia dựa vào sẽ có mà nói, như thế gian nói: Nấu cơm, xay bột, vì nấu cơm, xay bột kia là việc sẽ đến, vì cực thành có.

Thí dụ này phi lý, vì với tông sở lập v.v... không thành. Lại, dụ với pháp, vì thế tục chấp nhận có, không chấp nhận có. Và lại, phải xem xét trước nghĩa vượt hơn, nấu, xay là có tự tánh, hoặc loại khác nhau, vì rất ráo không có, cũng như hoa đốm trong hư không, nên dụ với tông,

không thành nghĩa bình đẳng.

Nếu căn cứ ở thế tục chấp nhận có nấu, xay, thì dựa vào động tác này có thể nói: Nấu cơm, xay bột. Vì không chấp nhận có pháp tương đồng với không có, nên thí dụ này không có chứng minh sức của Tông. Tuy nhiên, cơm, bột này không phải sẽ có tên, mà là hiện có cực thành cơm, bột. Xem đây, có thể nói: ĐỀ-bà-đạt-đa đồng với tướng này. Dù nấu cơm, xay bột thì không đúng, nên không tương ứng. Lại, cơm, bột đã nấu, xay thành rồi, mặt khác, sự nối tiếp nhau của cơm, bột cũng vẫn tồn tại, kia đây đồng nhau, đều hiện có thể được.

Sáu xứ của niệm sau, đến lúc đã sinh, bấy giờ, đã không có sáu xứ của niệm trước, nên không thể nói kia, đây đồng nhau, do sau chưa sinh và phần vị đã sinh, đều cùng không thể nói đây, kia đồng nhau, nên dụ đã lập và pháp, không bình đẳng. Nếu thừa nhận cơm, bột là tên sẽ có, thì chỗ dụ tương đồng, cũng không đúng, vì chẳng phải sáu xứ của niệm trước đã sinh và nghiệp phiền não đều đi chung với sáu xứ, do nghiệp phiền não làm duyên giúp đỡ. Có tướng khác khởi, vì chẳng phải nhân, quả.

Làm sao có sức khiến về sau trở thành duyên? Nên không thể nói với nghiệp phiền não đều cùng hiện hành sáu xứ, vượt hơn sáu xứ trước, tương đồng với sau, khiến thành duyên cho nên không thể nói đi chung với sáu xứ của nghiệp phiền não, tương đồng với sau khiến cho thành tánh duyên.

Cho nên nếu nói sáu xứ trước diệt, trở lại có thể sinh sáu xứ của tự loại sau thì nghiệp phiền não diệt, trở lại sinh nghiệp phiền não sau của tự loại.

Như thế, có thể nói: Dựa vào sẽ có danh, có nghĩa tương đồng. Nếu nghiệp phiền não, đều đi chung với sáu xứ, không khác với trước, mà có thể khiến cho sau có khác tương sinh, trở thành tánh duyên, thì không nên nói tương chúng là đồng, với sáu xứ sau, khiến thành tánh duyên.

Lại vì sao tướng này khiến về sau thành duyên? Nên lời Thượng tọa bộ nói, đều không thật có nghĩa. Nếu là vô gián có thể sinh sáu xứ dị thực làm nhân năng chiêu cảm quả, tức là không có thuận với thọ nghiệp sau, chỉ vì nhân vô gián, sinh dị thực, nên không có lỗi này, lần lượt gần gũi, vì có thể dẫn đến quả, như hạt giống hoa v.v... Lần lượt tiếp cận, dẫn đến quả sinh.

Nếu vậy, lại vờ lấy lỗi rất nặng, thân sinh nghiệp thọ sau, lẽ ra lộn xộn. Tông ta tự thừa nhận mỗi nghiệp đã được huân tập, sáu xứ nối

tiếp nhau, vì dẫn đến một quả.

Lại, giống mầm v.v... một nối tiếp nhau thâu nhiếp hạt giống mầm v.v... dù diệt nhưng quả sau có thể sinh. Sáu xứ của nghiệp phiền não nối tiếp nhau, đều là nghiệp phiền não khác diệt rồi, đâu chấp nhận tự loại sáu xứ của lúc sau, lần lượt nối tiếp nhau, đến thời gian sau cùng, vì có thể sinh quả kia, nên nghĩa của pháp, dụ kia không tương ưng.

Lại, nghiệp phiền não đều sinh sáu xứ. Thượng tọa bộ kia không nên thừa nhận sự huân tập của nghiệp phiền não, vì chớ cho đồng thời có nhân quả, làm sao từ nhân quả đó, chẳng phải nghiệp phiền não đã huân tập sáu xứ, lại không có duyên riêng, mà vào lúc sau, bỗng nhiên lại sinh khởi các nghiệp phiền não đã huân tập sáu xứ, nên tông của ông về lý chẳng phải khéo lập.

Nếu cho rằng như thân, phân, đất, thắm nhuần, huân tập, có thể nảy mầm v.v... Thí dụ nảy cũng phi lý, vì ta đã thừa nhận.

Lại, vì không thành nghĩa là tông ta đã thừa nhận có nhân đồng thời, có thể lập thí dụ nảy, tông của ông không như vậy, làm sao như hạt giống, phân, đất, chất, hun đúc?

Lại, ở trong đây chính là thí dụ lập pháp, nên hạt giống chính là dụ ở, tâm nghiệp phiền não, sáu xứ, phải nói cũng như phân, đất, thì loại nghiệp phiền não nên gọi tùy theo giới, sao lại nói sáu xứ là tùy theo giới?

Chẳng phải do phân, đất, chất, hun đúc hạt giống, nên lại vì khiến sinh khởi phân, đất, loại mầm, cho nên hạt giống chỉ nên dụ cho sáu xứ. Do huân tập nghiệp phiền não của sáu xứ nảy, sinh quả dị thực của sáu xứ vị lai, nên lời bào chữa nảy phi lý, vì chẳng phải quả của sáu xứ sau, tức nói vì dùng sáu xứ trước làm nhân. Nghĩa là kinh nói mắt v.v... dùng nghiệp phiền não làm nhân, như hạt giống làm nhân, sinh ra mầm v.v... chẳng phải mầm v.v... dùng phân v.v... làm nhân, do đó lời bào chữa của thuyết kia chẳng phải hợp lý.

Lại, kinh nói nghiệp sinh làm nhân, nên chẳng phải sáu xứ vị lai, sáu xứ làm hạt giống, chẳng phải nghiệp phiền não làm nhân chiêu cảm sự sinh, có thể chấp sáu xứ làm chủng tử của sự sinh, nên năm: căn như Mắt v.v... đối với chỗ chiêu cảm sự sinh vị lai, hoàn toàn không có dụng vượt hơn. Ý xứ, hoặc vì có nghĩa đồng một quả, với nghiệp phiền não nên dụ đã lập trái với pháp. Hoặc giống nối tiếp nhau với phân đất kia, đều cùng thời gian nối tiếp, hay sinh quả khác. Các nghiệp phiền não nối tiếp nhau diệt từ lâu, mà chấp sáu xứ nối tiếp nhau làm nhân, sinh ra quả khác do nghiệp phiền não đã lôi kéo.

Pháp, dụ như ở đây, lẽ ra được nói đồng. Lại, giống, phân, đất vì đều có phần, nên trong mầm có thể có hai quả nối tiếp sinh. Làm sao có thể với không có phần, có phần, đồng với lấy một quả làm đồng pháp dụ.

Nếu chấp phân, đất trong mầm và thể của quả, giống không khác nhau cho nên năng dụ, đồng với chỗ được lập, đều không thành. Lại, Thượng tọa bộ kia vì chứng minh xưa tùy theo giới có, đã dẫn lời Thánh nói có tùy theo đều cùng hiện hành căn chưa dứt. Kinh này lại chứng minh Thượng tọa bộ kia đã vọng chấp xưa tùy theo giới không có, vì các tánh vô tham v.v... của các căn. Tánh đó ở phần vị này không hiện ở trước, vì được chưa xả, gọi là chưa dứt, vì căn cứ sắp đoạn căn, nên nói lời này. Căn trong đây, chỉ sinh đắc, các gia hạnh vì trước đã đoạn, nên sinh được căn. Ở phần vị nối tiếp, vì tùy theo đắc của tâm nhiễm, nên nói là tùy hành chín phẩm đắc ngay tức khắc, nên nói là đều cùng hiện hành. hoặc căn này trước được, sau khởi, nên nói là tùy hành. hiện khởi và đắc vì không trái hại nhau, nên nói là đều cùng hiện hành.

Đây là nghĩa thật câu này của kinh này. Căn đoạn, nghĩa là cũng hiện không thuận theo đều cùng có căn này, nên kinh này nói: Căn kia ở thời gian sau, tất cả đều đoạn, thuận theo đều cùng có căn. Đã tùy theo giới xưa, căn này không có, nên căn kia tùy theo giới cũng không có. Tùy theo giới đã không có. Sau, nhân pháp nào căn nối tiếp khởi.

Lại, vị trí bắt đầu nối tiếp, căn, hiện không có, nên phải không tùy theo giới. Đã không tùy theo giới, thì duyên nào gọi là nối tiếp căn sau khởi? Lại từ nhân nào? Nhưng Khế kinh nói: “Từ căn này, về sau, căn khác, nhất định sẽ khởi lại”, nên kinh này lại chứng minh xưa tùy theo giới không có.

Lại, Thượng tọa bộ kia tự nói: Xưa, tùy theo giới này, thể không thể nói, làm sao ở đây lại nói là căn ?

Tánh của nhân căn, lại ở trong thể một niệm, một tâm, không có phần vi tế, sao có thể lôi kéo ái, và phi ái đều cùng có quả trái nhau, vì nhất định nhân khác nhau không thể được.

Lại, tâm, bất và vô ký ở trong tất cả thời gian, đều cùng hiện khởi, nhưng không nên thừa nhận, vì trái nhau, nghĩa là phần vị chánh hiện hành ở tâm, giới của tâm bất, vô ký thường tùy theo, tâm bất kia và tâm không có tự thể riêng.

Căn cứ vào lý nào mà nói tâm của hai tánh khác không hiện hành kia, ở phần vị đang hiện hành đều thành hai tánh, lẽ ra cũng đồng với tâm này.

Lại, Thượng tọa bộ kia nên nói: Nếu trong một tâm có nhiều phẩm loại, giới tâm theo đuổi.

Vì sao từ nhiều tâm này, thuận theo giới thời gian sau, chỉ khởi tâm của một phẩm loại? Tuy nhiên, trong cùng lúc, có nhân duyên, duyên đẳng vô gián, cảnh giới làm chỗ dựa của tất cả thức.

Lại, đầy đủ sao không đều khởi?

Vì mỗi sát-na của chỗ dựa kia, đều có nghĩa có thể sinh tất cả thức.

Pháp nào là chướng ngại? Trong một thời gian, không phải từ một căn đều sinh nhiều thức. Nhưng Thượng tọa bộ kia đối với thuyết này nói: Có một niệm, một căn cùng sinh hai thức, như chim mạng mạng v.v... cùng một thân căn không thể một chỗ có hai thân căn sinh. Như thế, là trái với tánh pháp có đối. Lời nói này chỉ thuận với tự tâm của Thượng tọa bộ, không có nghĩa hai hữu tình đồng một căn, vì nối tiếp nhau khác, mà mạng và mạng hai căn ở xen lẫn, như thân, thiết căn, nên từ hai căn sinh ra hai thức, chẳng phải hai thức trên một căn đều sinh, cũng không có một căn, hai hữu tình chung. Về lý nên như thế nghĩa là có một căn là quả của nhiều nghiệp, về lý không thành, nhưng tất cả căn đều chẳng phải chung có.

Như thế, Thượng tọa bộ có lý nào lại có thể ngăn dứt đối với một nối tiếp nhau đồng thời nương dựa một căn, nhiều căn phát ra lỗi nhiều thức, nên xưa tùy theo giới, chẳng phải vì khéo nói. Lại, Thượng tọa bộ v.v... chỉ chấp các pháp từ vô gián sinh. Há không là đại sư nói về tánh nhân duyên, ấy là vì không có dụng. Do pháp sở hữu, sinh ra nhân để nhờ cậy, với sức đẳng vô gián đủ có khả năng thành rồi, đâu nhọc công ngoài đẳng vô gián này, lại nói về nhân duyên. Mặc dù Thượng tọa bộ kia giải thích: Sức đẳng vô gián và sức của nhân sinh, nghĩa ấy có khác. Ở trong pháp sinh đều cùng có công dụng, mà không thật có lý, chỉ có lời nói giả dối, tức sức tùy theo giới, vì trụ vô gián, nên chẳng phải sức đẳng vô gián lìa ngoài tâm v.v... mà có thể nói có riêng công dụng của nhân duyên.

Lại, Thượng tọa bộ kia chấp có thể của pháp, mặc dù trải qua kiếp diệt, nhưng tự nối tiếp nhau, lần lượt vẫn như nhau, cũng làm tánh nhân. Nay, quán sát pháp kia chỉ có thể làm duyên, sinh mừng tự tâm, vọng chấp là vui mừng, chẳng phải thật sự có thể làm nhân đối với pháp sinh. Vì sao? Vì nếu có tự thể của pháp, thì cho dù trải qua kiếp diệt, cũng vẫn có thể làm nhân, tức thể của pháp kia làm nhân, đủ có thể sinh pháp, đâu nhọc công hư cấu, tùy theo giới làm nhân! Lại, nếu

pháp kia dù không có tự thể, mà có thể làm nhân sinh pháp được sinh, tức là phải thừa nhận thạch nữ, cũng có công năng làm nhân sinh ra con, cháu khác.

Nếu cho rằng thể của nhân xưa có, nay không. Các thạch nữ, vốn cũng không có, thì pháp kia không thành nhân duyên, khi vốn có nhân, pháp quả chưa khởi. Nay, phần vị quả khởi, vì thể nhân đã không, nên nói nhân duyên nhất định không có tác dụng. Nếu Thượng tọa bộ thừa nhận chỉ sự tự nối tiếp nhau sinh khởi quyết định được làm nhân duyên.

Sao lại thừa nhận pháp, bất làm nhân duyên sinh dị thực vô ký, chẳng phải, bất, tùy theo giới làm nhân, có thể sinh vô ký, vì nối tiếp nhau khác.

Nếu, bất vô gián có công năng sinh dị thực vô ký, trong đây nên nói: Vì sao và thể nào là, bất làm nhân sinh ra dị thực vô ký. Nếu nói vì vô ký huân tập, bất, nên, bất là nhân của vô ký. Thì điều này cũng phi lý, vì trước đã thường nói về sự huân tập, bất kia: Vì không thật có nghĩa. Lại, Thượng tọa bộ kia! Sao pháp, bất, vì vô ký huân tập, nên thành nhân Dị thực?

Nếu cho rằng thời gian trước vì dị thực huân tập, thì dị thực làm nhân của dị thực. Nếu pháp, bất của quả dị thực vì làm nhân nên sinh, mà nói trong đây không có công dụng của nhân duyên, chỉ thuộc về tăng thượng, thật là phi lý! Vì sao? Vì, bất làm nhân, có thể lôi kéo khởi quả kia.

Nhân này đối với quả kia. Vì sao không phải nhân?

Lại thuyết kia đã nói, là trái vượt Thánh giáo, như Khế kinh nói: Nhân này, duyên này, khiến cho hữu tình kia đọa vào địa ngục v.v... lại nói: Mất v.v... dùng nghiệp làm nhân.

Lại nói: Các nghiệp sinh làm nhân v.v... Trong đây, Thượng tọa bộ giải thích rằng: Các duyên tăng thượng không vượt qua tánh nhân, nên ta nói: Lý của tánh nhân kia khéo thành.

Cách nói này cũng phi lý! Vì rời ngoài nhân duyên, kinh đã nói riêng có duyên tăng thượng. Lại, không hề có xứ vì đồng với thuyết kia, nghĩa là không hề có kinh nào nói như thế. Tánh của duyên tăng thượng, tức là nhân duyên.

Sư luận chánh Lý chấp nhận cách giải thích này. Chẳng phải phải Thí dụ có thể nói lời này: Vì nhân Năng tác, chẳng phải chỗ Thượng tọa bộ kia thừa nhận.

Lại, Thượng tọa bộ kia sao có thể chấp rằng: Nhất tâm có đủ các

thứ giới, huân tập nhất tâm nhiều cõi, vì về lý không thành. Chẳng phải pháp thắng nghĩa được thừa nhận có trong Thánh giáo, chỉ một thể nhiều thể nhóm họp thành.

Nếu nói có tâm, thì thể của tâm đó dù một, nhưng ở trong đó giới có rất nhiều. Nhiều cõi và tâm, vì thể không có khác, nên giới thành một, tâm và nhiều cõi, vì thể không khác nên tâm lẽ ra thành nhiều. Các giới đối nhau, vì thể không khác, nên thể của một với tất cả, lẽ ra xen lẫn nhau.

Lối chấp này chung quy phi lý, nên chỉ tư duy lựa chọn rộng. Nhưng tùy theo tên giới, phải nói tùy thuộc lỗi, vô lượng lỗi lầm, vì đã theo đuổi, nên xem ra Thượng tọa bộ kia chỉ vì muốn phá Thánh giáo, nên làm huỷ hoại chánh lý, giả lập ra danh này. Hoặc Thượng tọa bộ kia chỉ do pháp tánh thâm diệu vi tế, không thể chịu đựng lâu, vẫn, tư mỗi một. Thế nên, trong đó, chưa thể thông đạt, nhưng trong chúng đệ tử Phật, không có phương tiện cầu thấu đạt bằng sự ngợi khen, giả lập danh giả đối tùy theo giới như thế.

Do đó, nên tùy theo chánh lý mà A-tỳ-đạt-ma đã nói, để giải thích nhân duyên.

Cho nên, nhân duyên năm nhân làm tánh, thật khéo nói không thể nghiêng động.

